

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Baùn àùn sốá: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngàøy: 08 /01/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 12/01/2022 tại Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12 ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Cẩm Ngọc, sinh năm 1972

- Bị đơn: Anh Huỳnh Hồng Sơn, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Ngọc và anh Sơn vắng mặt)

Nội dung vụ án

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021, các bản tự khai nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm N trình bày:**

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bỏ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Hồng S yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 nhưng đến năm 2009 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh S không đi làm chỉ ở nhà và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nhiều lần chị đã tha thứ nhưng anh

S vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh S được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Hồng Q, sinh năm 1999. Do cháu Q bị hạn chế năng lực hành vi dân sự không thể tự lao động nuôi bản thân nên theo đơn khởi kiện chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nay anh S có nguyện vọng được nuôi con chung thì chị đồng ý do lâu nay anh S là người ở nhà và chăm sóc cháu Q thường xuyên, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N khai không có.

Do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

** Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án và anh Huỳnh Hồng S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày là đúng. Anh và bà Hồ Thị Cẩm N yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 nhưng đến năm 2009 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chị N hay ghen nên nghi ngờ anh có người phụ nữ khác. Anh xác định không có người phụ nữ khác. Việc anh không đi làm là do anh phải ở nhà chăm sóc con. Anh vẫn còn yêu thương vợ con nên vợ anh xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hồng Q, sinh năm 1999. Cháu bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên từ nhỏ đến lớn đều do anh chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh S. Giao con chung cháu Huỳnh Hồng Q, sinh năm 1999 cho anh S nuôi dưỡng, tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận; nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Hồng S đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Sơn và chị N.

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Hồ Thị Cẩm N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Hồng S và giải quyết về vấn đề con chung. Xét thấy chị N và anh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/03/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh S và cho rằng trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nguyên nhân là do anh S không chịu lao động, mình chị N lo kinh tế gia đình. Chị N còn cho rằng anh S có người phụ nữ khác. Anh S thừa nhận anh không có đi làm chỉ ở nhà chăm sóc con nhưng anh không có quan hệ với người phụ nữ khác chỉ do chị N hay ghen nên nói anh có người phụ nữ khác. Mặt khác anh cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa trầm trọng anh đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho gia đình. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập anh S đến Tòa để tham gia phiên tòa anh S không chấp hành, cho thấy thái độ bỏ mặc, không tích cực hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được có tại hồ sơ và lời khai của đương sự xác định chị N và anh S có 01 con chung là cháu Huỳnh Hồng Q, sinh năm 1999. Hiện cháu Q đã trên 18 tuổi nhưng do cháu bị tật bẩm sinh, không thể tự lao động cũng như chăm sóc bản thân được nên cần phải có cha mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa hôm nay anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Q, chị N cũng đồng ý giao cháu Q cho anh S nuôi dưỡng. Anh S là người thường xuyên chăm sóc con chung nên nguyện vọng của chị N và anh S là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Q cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh S cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9,11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm N đối với bị đơn chị anh Huỳnh Hồng S về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

Tuyên xử: Chị Hồ Thị Cẩm N được ly hôn với anh Huỳnh Hồng S .

Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Hồng Q , sinh năm 1999 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Chị N được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu 0006971 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nh. Chị N đã nộp xong.

3. Chị N và anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- UB xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp

Hoài Đức Huệ

Lê Thị Oanh

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tiến Nghĩa